

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 87/2021/DS-ST

Ngày: 30 - 3 - 2021

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 563/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Bà Võ Lệ T, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Lê Trọng H, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C.

Bà Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Hồng Đ trình bày:

Vào khoảng năm 2015, 2016 bà Võ Lệ T trực tiếp đến gặp bà và hỏi mượn bà nhiều lần tổng số tiền là 76.000.000 đồng. Sau đó bà yêu cầu bà Võ Lệ T trả cho tôi số nợ trên nhưng bà Võ Lệ T cho rằng không có khả năng trả nên yêu cầu bà mượn hụi của người khác và bà đồng ý đứng ra mượn hụi của bà Lê Thị G địa chỉ ở Chợ A, thành phố C. Do bà tham gia hụi do bà G làm chủ và bà đã đứng ra hốt phần hụi của bà được khoảng 41.000.000 đồng và bà cho bà Võ Lệ T mượn. Bà đã đối trừ số tiền bà Võ Lệ T nợ 76.000.000 đồng và bà Võ Lệ T còn nợ bà 35.000.000 đồng. Bà Võ Lệ T đóng hụi chết cho bà được khoảng 03 lần hụi chết phần còn lại là 54.000.000 đồng bà Võ Lệ T không đóng nên bà đã đóng hụi thay cho bà Võ Lệ T. Tổng số tiền hụi chết bà Võ Lệ T nợ là 54.000.000 đồng và cộng lại với số tiền mượn còn nợ 89.000.000 đồng. Khi chốt lại hai khoản thì bà Võ Lệ T còn nợ bà tổng số tiền là 89.000.000 đồng và bà Võ Lệ T có trả dần dần cho bà được vài lần và sau đó chốt nợ lại bà Võ Lệ T còn nợ bà 76.000.000 đồng.

Khi chốt nợ lại với bà Võ Lệ T thì bà đến gặp bà Võ Lệ T yêu cầu bà Võ Lệ T trả tiền cho nên đã xảy việc ông Lê Trọng H con bà Võ Lệ T gây thương tích cho bà và sự việc được Công an huyện P mời làm việc. Qua làm việc với Công an ngày 12/9/2018 thì bà Võ Lệ T và ông Lê Trọng H còn nợ bà số tiền 57.300.000 đồng. Ông Lê Trọng H và bà Võ Lệ T hứa trả cho bà 7.300.000 đồng vào ngày 30/9/2018 và trả mỗi tháng 2.000.000 đồng. Sau đó ngày 13/11/2018 bà Võ Lệ T trả 700.000 đồng; ngày 12/12/2018 trả 500.000 đồng; ngày 29/12/2018 trả 500.000 đồng; ngày 15/01/2019 trả 1.000.000 đồng; ngày 17/02/2019 trả 1.000.000 đồng; ngày 20/3/2019 trả 1.000.000 đồng; ngày 06/4/2019 trả 500.000 đồng; ngày 26/4/2019 trả 1.000.000 đồng; ngày 15/5/2019 trả 2.000.000 đồng; ngày 16/6/2019 trả 500.000 đồng; ngày 04/7/2019 trả 500.000 đồng; ngày 20/7/2019 trả 500.000 đồng; ngày 21/8/2019 trả 500.000 đồng; ngày 20/9/2019 trả 1.000.000 đồng; ngày 20/10/2019 trả 3.000.000 đồng; ngày 20/11/2019 trả 500.000 đồng; ngày 18/12/2019 trả 1.000.000 đồng; ngày 11/01/2020 trả 500.000 đồng; ngày 16/01/2020 trả 500.000 đồng; ngày 17/02/2020 trả 700.000 đồng; ngày 09/3/2020 trả 300.000 đồng; ngày 22/3/2020 trả 2.000.000 đồng; ngày 20/4/2020 trả 500.000 đồng; ngày 03/4/2020 nhuần trả 500.000 đồng; ngày 30/5/2020 (các ngày trên đều là ngày âm lịch) trả 500.000 đồng. Từ thời gian này bà Võ Lệ T không trả cho bà thêm khoản nào, tổng số tiền bà Võ Lệ T trả cho bà là 23.050.000 đồng. Đối trừ số tiền nợ và số tiền đã trả thì bà Võ Lệ T và ông Lê Trọng H còn nợ bà tổng cộng là 34.250.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Võ Lệ T xác định đã trả cho bà Nguyễn Xuân Đ số tiền 9.500.000 đồng, số tiền này bà Nguyễn Hồng Đ đồng ý đối trừ cho bà Võ Lệ T. Như vậy, số tiền bà Võ Lệ T còn nợ là 24.750.000 đồng. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án nhân

dân huyện Phú Tân giải quyết buộc bà Võ Lệ T và ông Lê Trọng H trả cho bà số tiền còn nợ là 24.750.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Võ Lệ T trình bày:

Sự việc diễn ra theo bà Nguyễn Hồng Đ trình bày không hoàn toàn đúng. Vào năm 2015, 2016 bà có hỏi mượn tiền của bà Nguyễn Hồng Đ 03 lần với số tiền 19.000.000 đồng (lần thứ nhất mượn 10.000.000 đồng; lần thứ hai mượn 4.000.000 đồng; lần thứ ba mượn 5.000.000 đồng). Thỏa thuận hàng tháng bà đóng lãi cho bà Nguyễn Hồng Đ số tiền 2.850.000 đồng, bà đã đóng lãi cho bà Nguyễn Hồng Đ khoảng 04 tháng lãi với tiền 11.400.000 đồng. Sau đó bà không có khả năng đóng lãi cho bà Nguyễn Hồng Đ nữa, bà không tiếp tục đóng lãi.

Đến cuối năm 2017 bà và bà Nguyễn Hồng Đ gặp nhau chốt lại nợ tổng gốc và lãi bà nợ bà Nguyễn Hồng Đ là 42.000.000 đồng. Bà Nguyễn Hồng Đ nói cho bà mượn hụi hốt để trả cho bà Nguyễn Hồng Đ, bà đồng ý và bà Nguyễn Hồng Đ hốt hụi được 35.000.000 đồng và bà đối trừ số tiền nợ thì bà còn nợ bà Nguyễn Hồng Đ 7.000.000 đồng và đóng lại 30 phần hụi chết cho bà Nguyễn Hồng Đ mỗi tháng 2.000.000 đồng. Bà đã đóng cho bà Nguyễn Hồng Đ vài lần hụi chết nhưng bà không nhớ rõ số tiền đã đóng là bao nhiêu. Sau khi phát sinh sự việc ông Lê Trọng H với bà Nguyễn Hồng Đ thì Công an làm việc bà thống nhất chốt lại bà còn nợ bà Nguyễn Hồng Đ là 57.300.000 đồng. Bà đã đóng hụi hàng tháng cho bà Nguyễn Hồng Đ tính từ ngày 30/9/2018 đến ngày 30/5/2020 bà đã đóng cho bà Nguyễn Hồng Đ số tiền 38.000.000 đồng, các lần đóng không có giấy tờ biên nhận gì do bà đã thỏa thuận và có biên bản thỏa thuận với Công an nên thực hiện theo thỏa thuận. Tổng số tiền bà nợ bà Nguyễn Hồng Đ là 19.300.000 đồng.

Trong tháng 5/2020 bà Nguyễn Hồng Đ gọi điện cho bà nói do bà Nguyễn Hồng Đ nợ bà Nguyễn Xuân Đ địa chỉ ấp Cái Đồi, xã Phú Tân vật liệu Tấn Phát số tiền 17.000.000 đồng nên yêu cầu bà gặt nợ qua bà Nguyễn Xuân Đ, bà đã trả cho bà Nguyễn Xuân Đ được 9.500.000 đồng. Đối trừ số tiền bà đã trả cho bà Nguyễn Xuân Đ, hiện tại bà còn nợ bà Nguyễn Hồng Đ 9.800.000 đồng. Bà Nguyễn Hồng Đ cho rằng bà nợ bà Nguyễn Hồng Đ 34.250.000 đồng bà không đồng ý, bà chỉ còn nợ bà Nguyễn Hồng Đ số tiền 9.800.000 đồng. Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà Nguyễn Hồng Đ số tiền 9.800.000 đồng.

Bà Nguyễn Xuân Đ trình bày:

Tính đến thời điểm tháng 5/2020 âm lịch thì bà Nguyễn Hồng Đ còn nợ bà số tiền 17.300.000 đồng, bà Nguyễn Hồng Đ điện thoại gặt qua cho bà Võ Lệ T, bà Võ Lệ T có trách nhiệm trả cho bà. Đến nay, bà Võ Lệ T trả được 9.500.000 đồng, hiện còn nợ lại là 7.800.000 đồng. Bà yêu cầu bà Võ Lệ T tiếp tục trả cho bà số tiền còn nợ là 7.800.000 đồng. Do bà và bà Võ Lệ T thỏa thuận số tiền còn nợ nên bà không yêu cầu khởi kiện gì đối với bà Võ Lệ T. Do điều kiện, công việc gia đình nên bà yêu cầu được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Trọng H vắng mặt, không cung cấp lời khai chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bà Nguyễn Hồng Đ khởi kiện yêu cầu bà Võ Lệ T và ông Lê Trọng H trả tiền vay. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án.

Bà Nguyễn Xuân Đ yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Xuân Đ.

Ông Lê Trọng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Lê Trọng H.

[2]. *Về nội dung:* Bà Nguyễn Hồng Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Tân giải quyết buộc bà Võ Lệ T và ông Lê Trọng H trả cho bà số tiền còn nợ là 34.250.000 đồng.

Để chứng minh cho lời trình bày của mình, bà Nguyễn Hồng Đ cho rằng qua làm việc với Công an ngày 12/9/2018 thì bà Võ Lệ T và ông Lê Trọng H còn nợ bà số tiền 57.300.000 đồng. Ông Lê Trọng H và bà Võ Lệ T hứa trả cho bà 7.300.000 đồng vào ngày 30/9/2018 và trả mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tổng số tiền bà Võ Lệ T trả cho bà là 23.050.000 đồng, các lần trả nợ theo thời gian và số tiền bà đều có tự ghi chép để theo dõi. Đối trừ số tiền nợ và số tiền đã trả thì bà Võ Lệ T còn nợ bà tổng cộng là 34.250.000 đồng.

Đối với việc đối trừ gặt nợ cho bà Nguyễn Xuân Đ bà thừa nhận ban đầu bà có nói với bà Võ Lệ T. Nhưng do việc trả nợ giữa bà Nguyễn Xuân Đ và bà Võ Lệ T mà ba bên không gặp nhau và không có văn bản giấy tờ thỏa thuận nên nay bà không thống nhất thỏa thuận việc đối trừ và gặt nợ giữa bà với bà Võ Lệ T và bà Nguyễn Xuân Đ.

[3]. Bà Võ Lệ T cho rằng trước đây bà thừa nhận có nợ bà Nguyễn Hồng Đ số tiền 57.300.000 đồng tại biên bản về việc thỏa thuận tiền thuộc điều trị và thỏa thuận tiền nợ giữa hai bên vào ngày 12/10/2018 tại Cơ quan CSĐT Công an huyện P. Đã qua, bà đã trả còn nợ bà Nguyễn Hồng Đ số tiền 9.800.000 đồng. Việc bà trả tiền là thông qua việc đóng hụi hàng tháng, bà Nguyễn Hồng Đ cho rằng hót hụi, hàng tháng bà có nghĩa vụ trả tiền hụi chết cho bà Nguyễn Hồng Đ là 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc đóng hụi hàng tháng không có giấy tờ gì để chứng minh, giấy tờ trả nợ bà không có cung cấp cho Tòa án. Bà chỉ đồng ý trả cho bà Nguyễn Hồng Đ số tiền còn nợ là 9.800.000 đồng.

[4]. Bà Võ Lệ T cho rằng chỉ còn nợ bà Nguyễn Hồng Đ số tiền 9.800.000 đồng do đã qua bà đóng hụi hàng tháng cho bà Nguyễn Hồng Đ nhưng không có giấy tờ gì để chứng minh, giấy tờ trả nợ bà không có cung cấp cho Tòa án. Do đó, lời trình bày của bà Võ Lệ T là không có căn cứ để chấp nhận.

[5]. Số tiền bà Nguyễn Hồng Đ cho rằng bà Võ Lệ T còn nợ là 57.300.000 đồng, bà Võ Lệ T cho rằng đã trả xong thì bà Võ Lệ T phải có nghĩa vụ chứng minh, bà Nguyễn Hồng Đ chứng minh được thời gian và số tiền theo mốc thời gian mà bà Võ Lệ T trả tuy không có chứng cứ chứng minh nhưng đây không phải là nghĩa vụ chứng minh của bà Nguyễn Hồng Đ nên không đặt ra xem xét.

[6]. Như vậy có đủ căn cứ xác định bà Võ Lệ T còn nợ bà Nguyễn Hồng Đ số tiền là 34.250.000 đồng. Tại phiên tòa, bà Võ Lệ T xác định đã trả cho bà Nguyễn Xuân Đ số tiền 9.500.000 đồng, số tiền này bà Nguyễn Hồng Đ đồng ý đối trừ cho bà Võ Lệ T. Như vậy, số tiền bà Võ Lệ T còn nợ là 24.750.000 đồng. Bà thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu bà Võ Lệ T trả cho bà số tiền còn nợ là 24.750.000 đồng. Do đó, có đủ căn cứ buộc bà Võ Lệ T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Hồng Đ số tiền còn nợ là 24.750.000 đồng như bà Nguyễn Hồng Đ đã yêu cầu.

[7]. Giữa bà Nguyễn Xuân Đ và bà Võ Lệ T thỏa thuận số tiền còn nợ, bà Nguyễn Xuân Đ không yêu cầu khởi kiện gì đối với bà Võ Lệ T nên không đặt ra xem xét. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Hồng Đ xác định đối với số tiền bà thiếu bà Nguyễn Xuân Đ thì bà có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Xuân Đ.

[8]. Bà Nguyễn Hồng Đ khởi kiện ông Lê Trọng H cùng có trách nhiệm trả tiền với bà Võ Lệ T là không có căn cứ chấp nhận. Bởi, quá trình làm việc tại Công an huyện Phú Tân, ông Lê Trọng H có gây thương tích cho bà Nguyễn Hồng Đ nên các bên thỏa thuận chi phí bồi thường là thuộc trách nhiệm của ông Lê Trọng H, ông Lê Trọng H đã bồi thường xong. Số tiền nợ còn lại là nợ của bà Võ Lệ T nợ tiền mượn của bà Nguyễn Hồng Đ nên không có căn cứ buộc ông Lê Trọng H cùng có trách nhiệm liên đới trả tiền cho bà Nguyễn Hồng Đ. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Hồng Đ rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Trọng H nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối yêu cầu của bà Nguyễn Hồng Đ.

[9]. *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*: Nguyên đơn không phải chịu, nguyên đơn được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí khi bản án có hiệu lực pháp luật; bị đơn phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng Đ. Buộc bà Võ Lê T trả cho bà Nguyễn Hồng Đ số tiền mượn còn nợ là 24.750.000 đồng (hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Võ Lê T phải chịu 1.237.500 đồng (một triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Bà Nguyễn Hồng Đ đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 856.000 đồng (tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0012086 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được nhận lại toàn bộ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước